

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/DS-ST.

Ngày: 31/8/2017.

V/v: Tranh chấp về nghĩa vụ dân sự.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Thông Văn Đá

- Ông Đặng Thanh Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2017/TLST-DS ngày 06/02/2017 về việc: “Tranh chấp về nghĩa vụ dân sự”; theo quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số 40/2017/QĐ-GHXX ngày 06/6/2017 quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2017/QĐST-DS ngày 27/7/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 36/2017/QĐST-DS giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Thương mại B – Do ông Từ Sĩ Thắng – Chức vụ: Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật
Địa chỉ: Số 36 Lý Thường Kiệt, phường Đức Nghĩa, thành phố Phan Thiết, tỉnh B.

2. *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

- Ông Lưu Phước T – Chức vụ: Phó tổng Giám đốc phụ trách nội chính và đầu tư Công ty Cổ phần Thương mại B. Theo giấy ủy quyền ngày 18/7/2016. Địa chỉ: Phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh B (Theo giấy ủy quyền ngày 18/7/2016).

- Ông Trần Thanh T – Nhân viên phòng tổ chức (Có mặt)
Địa chỉ: 253/12 đường Nguyễn Hội, phường X, thành phố Phan Thiết, tỉnh B (Theo giấy ủy quyền số 357/GUQ/TMBT/2017 ngày 15/02/2017).

3. *Bị đơn:* - Bà Huỳnh Thị T – sinh năm 1971 (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, phường X, thành phố Phan Thiết, tỉnh B.

Tạm trú: Thôn 2, xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/11/2016 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty cổ phần thương mại B đại diện theo ủy quyền

ông Lưu Phước Thịnh – Chức vụ Phó tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương Mại B trình bày: Trước đây, Công ty Cổ phần Thương mại B (Gọi tắt là Công ty) có bán vật liệu xây dựng cho bà Huỳnh Thị T. Trong quá trình mua bán tính đến ngày 31/10/2016 thì bà T còn nợ của Công ty cổ phần thương mại B là 51.507.872đ (Năm mươi một triệu năm trăm lẻ bảy ngàn tám trăm bảy mươi hai ngàn đồng) và tiền lãi chậm trả từ ngày 01/01/2014 đến 31/10/2016 là 19.420.241đ. Tổng cộng gốc và lãi là 70.928.113đ. Sau đó, Công ty Cổ phần Thương mại B có đòi nợ nhiều lần nhưng bà T không trả. Bà T có nhiều lần làm giấy cam kết trả nợ cho Công ty nhưng bà T không thực hiện theo đúng cam kết. Bà T cố tình chiếm dụng vốn kinh doanh của Công ty và gây khó khăn trong việc trả lãi vay ngân hàng. Nay Công ty Cổ phần thương mại B đề nghị giải quyết buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T trả cho Công ty số tiền 70.928.113đ và lãi chậm trả từ ngày 01/11/2016 cho đến khi trả xong nợ. Tại phiên tòa, ông Trần Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Thương mại B trình bày: Trong quá trình mua bán vật liệu xây dựng với bà T thì ngày 31/12/2013, Công ty có lập biên bản đối chiếu công nợ thì bà T còn nợ tiền gốc là 51.474.307đ và hẹn từ ngày 25/01/2014 trả mỗi tháng 2.000.000đ nhưng không thực hiện. Nay Công ty Cổ phần Thương mại B thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T trả cho Công ty Cổ phần Thương mại B tiền gốc là 51.474.307đ và tiền lãi chậm trả 0,75%/tháng từ ngày 01/01/2014 đến 31/8/2017 (ngày xét xử sơ thẩm) là 16.986.521đ ($51.474.307đ \times 0,75/\text{tháng} \times 44 \text{ tháng}$). Tổng cộng cả gốc và lãi là **68.461.000đ** (Sáu mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn đồng).

Bị đơn vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đề nghị: Chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Thương mại B, buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T trả cho Công ty Cổ phần Thương mại B số tiền 68.461.000đ, trong đó tiền gốc 51.474.307đ và tiền lãi là 16.986.521đ.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T không có mặt nên các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông bà vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ ông bà đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T.

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2017/QĐST-DS ngày 27/7/2017 đã ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán”, qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Các đương sự không tranh chấp gì về “Hợp đồng mua bán tài sản” và đã thống nhất với nhau tiền nợ là 51.474.307đ nhưng bị đơn chưa trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền còn nợ cùng yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán. Đây là “Tranh chấp về nghĩa vụ dân sự” được quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi tạm trú tại xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

2. Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa hai bên được xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 vẫn còn hiệu lực, mức lãi chậm trả giữa Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 2015 khác nhau nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết mà không áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về thời hiệu khởi kiện: Sau khi bà T và ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 25/01/2014, Công ty Cổ phần thương mại B thực hiện quyền khởi kiện ngày 03/11/2016 nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

4. Về tư cách tham gia tố tụng: Căn cứ giấy ủy quyền của nguyên đơn ủy quyền cho Trần Thanh T đại diện là hợp lệ đúng quy định tại Điều 142 Bộ luật dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

5. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Theo lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay thì bị đơn có nợ tiền mua Vật liệu xây dựng của nguyên đơn là 51.474.307đ phù hợp biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2013 (BL số 10) có chữ ký xác nhận nợ của bị đơn. Như vậy, bị đơn có mua Vật liệu xây dựng của nguyên đơn với số tiền nợ là 51.474.307đ nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ và lãi chậm thanh toán 0,75%/tháng từ ngày 01/01/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (31/8/2017) là 16.986.521đ, tổng cộng cả gốc và lãi **68.461.000đ** là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

6. Đối với ông Nguyễn Văn T là chồng của bà Huỳnh Thị T: Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong thời gian sống chung vợ chồng bà T mua vật liệu xây dựng về bán lại để hưởng tiền chênh lệch lo cho gia đình, con cái là đáp ứng như cầu thiết yếu của gia đình nên có cơ sở xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Do đó, cần phải buộc ông Nguyễn Văn T cùng bà Huỳnh Thị T phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Công ty Cổ phần Thương mại B.

7. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vợ chồng ông T và bà T buộc phải trả tiền cho Công ty Cổ phần Thương mại B nên ông T và bà T phải chịu án phí trên tổng số tiền phải thanh toán theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Vợ chồng ông T và bà T phải chịu $68.461.000đ \times 5\% = 3.423.000đ$.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.773.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Áp dụng: Khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 281, Điều 282, Điều 283, Điều 286; Điều 290, khoản 2 Điều 438, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

2.Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần Thương mại B, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T phải trả cho Công ty Cổ phần Thương mại B tiền nợ mua bán Vật liệu xây dựng là **68.461.000đ** (Sáu mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn đồng), trong đó tiền gốc 51.474.307đ và tiền lãi là 16.986.521đ.

3.Về án phí: Áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T phải chịu 3.423.000đ (Ba triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần Thương mại B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Thương mại B số tiền 1.773.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0011184 ngày 11/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, tỉnh B.

4.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/8/2017). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại địa phương.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành, mức lãi suất như sau:

- Theo thỏa thuận của đương sự nhưng không được quá 20%/ năm, trừ trường hợp có quy định khác của pháp luật.

- Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/ năm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Thanh Quang